

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02a/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31/01/2024
V/v: *Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Xuân.
- Ông Hoàng Văn Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Việt H, sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tdp 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt có lý do)
- Bị đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã N, huyện Q, tỉnh C. (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Hà Việt H trình bày: Anh và chị Phan Thị X bắt đầu chung sống từ năm 2018 tại tdp 01, thị trấn T, huyện T, nhưng đến ngày 12 tháng 6 năm 2020 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh C, việc đăng ký là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa

thuận hạnh phúc với nhau, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Vì vậy hai người đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị X cũng không hỏi thăm hay có ý định đoàn tụ lại gia đình. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có một con chung tên là Hà Ngọc An N, sinh ngày 01/11/2018, hiện nay con đang sống cùng anh. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Nay anh xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn chị X. Sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 30/12/2023 bị đơn chị Phan Thị X trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn, chị X xác nhận đúng như anh H đã trình bày. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị nhất trí với yêu cầu ly hôn của anh H. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh H có một con chung tên Hà Ngọc An N, sau khi ly hôn anh H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X xác nhận tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung và các yêu cầu cần giải quyết của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh H được ly hôn chị X. Giao con chung cho anh H chăm sóc và không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với chị X. Tài sản chung, nợ chung do không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc anh H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Anh Hà Việt H, có địa chỉ tại tdp 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh C kết hôn với chị Phan Thị X, có địa chỉ tại: xóm N, xã N, huyện Q, tỉnh C. Nay anh H khởi kiện xin ly hôn với chị X, sau khi ly hôn anh H sẽ trực tiếp nuôi con chung và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị X. Anh Hà Việt H và chị Phan Thị X có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ

việc nên việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H và chị X đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh C. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa anh H và chị X là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận kể từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian sống chung anh H và chị X lại không làm được mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã trầm trọng, đến mức phải ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Mặt khác chị X xác nhận trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên chị nhất trí ly hôn. Xét thấy cuộc sống vợ chồng anh H, chị X không thể hàn gắn lại được, gia đình không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho anh H và chị X được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về con chung*: Giữa anh H và chị X có 01 con chung hiện đang sống với anh H. Xét về điều kiện mọi mặt thì cả anh H và chị X đều không có công việc ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H và chị X đều nhất trí để cháu Hà Ngọc An N ở với anh H, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy việc giao cháu Hà Ngọc An N cho anh Hà Việt H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung với chị Phan Thị X là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Việt H và chị Phan Thị X đều xác nhận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Hà Việt H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận anh đã nộp đủ.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hà Việt H được ly hôn chị Phan Thị X.

2. *Về con chung:* Giao cháu Hà Ngọc An N, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế) không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị X.

Sau khi ly hôn, chị X có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận anh đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Hà Việt H và chị Phan Thị X có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tùng